

NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI: HỘI NHẬP XÃ HỘI VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA

LÊ THỊ MAI

Bài viết dựa trên dữ liệu từ hai cuộc khảo sát cộng đồng người Việt Nam định cư tại thành phố Philadelphia, Pennsylvania (U.S.) và Sydney (Australia). Qua những câu chuyện kể của người tham gia nghiên cứu cho thấy, lý do khiến một cá nhân hoặc một gia đình quyết định đến một nơi khác định cư rất đa dạng và phức tạp. Hội nhập xã hội là một trong những yếu tố chính quyết định sự thành công hay thất bại của người nhập cư. Hội nhập xã hội được phản ánh qua bốn chiều cạnh chính có mối quan hệ tương hỗ nhau: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đồng thời có bằng chứng về mối liên hệ giữa chiều cạnh hội nhập kinh tế và nhu cầu duy trì bản sắc dân tộc. Kết quả nghiên cứu cũng gợi ra một số vấn đề nghiên cứu tiếp, những hàm ý chính sách đối với vấn đề hội nhập xã hội của người nhập cư.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Di cư là một hiện tượng phổ biến trên thế giới. Bối cảnh toàn cầu hóa phức tạp, bất ổn kinh tế - xã hội, biến đổi khí hậu, quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn dẫn đến việc thu hẹp đất nông nghiệp, thay đổi việc làm, thay đổi phương thức tổ chức sản xuất,... ảnh hưởng đến sự hội nhập xã hội của mỗi cá nhân và gia đình, dẫn đến việc họ quyết định ở lại quê hương hay ra đi, định cư ở một nơi khác. Theo số liệu của Học viện Ngoại giao Việt Nam năm 2012, cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài có trên 4 triệu người và phân bố không đồng đều tại 103 nước, vùng lãnh thổ trên khắp thế giới, 98% trong số đó tập trung ở 21 nước tại Bắc Mỹ, châu Âu, Đông Nam Á, Đông Bắc Á và châu Đại Dương. Năm 2010 có gần 1,8 triệu

người Mỹ gốc Việt tại Hoa Kỳ (<http://www.mediafire.com>), đưa số lượng người Việt ở Mỹ chiếm khoảng một nửa số Việt kiều trên toàn thế giới.

Nghiên cứu hiện tượng hội nhập xã hội được đặt trong mối liên hệ với những cơ hội phát triển nghề nghiệp, thu nhập, sự hài lòng với cuộc sống là một chủ đề được quan tâm đối với các nhà xã hội học và dân tộc học muốn tìm hiểu khuôn mẫu di dân và lý do dẫn đến quyết định di cư. Về mặt lý thuyết, kết quả nghiên cứu đóng góp vào sự phát triển các lý thuyết hội nhập xã hội và vốn xã hội. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu sẽ được các tổ chức cộng đồng tham khảo, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng cơ chế hội nhập cho những người nhập cư, tạo nên hiệu ứng kinh tế - xã hội - văn hóa có hiệu quả cho sự phát triển.

2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Hội nhập xã hội là hiện tượng thu hút sự

Lê Thị Mai. Tiến sĩ. Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

quan tâm xem xét của nhiều nhà nghiên cứu xã hội học, dân số học, nhân học,... và tập trung vào một số vấn đề.

Về phương pháp luận

Từ cuối những năm 1990, các quan điểm tiếp cận mới trong nghiên cứu hiện tượng hội nhập xã hội nổi lên mạnh mẽ, đó là tiếp cận dựa trên các quyền, tiếp cận giới và nâng cao năng lực và tiếp cận vốn xã hội. Bằng cách cấu trúc lại người di dân thành nhiều nhóm xã hội với những nhu cầu và những căng thẳng khác nhau mà họ phải đối mặt, những tiếp cận nghiên cứu này đã giúp cho kết quả nghiên cứu phản ánh được sâu sắc hơn, đa dạng và phức tạp hơn hiện tượng hội nhập xã hội.

Đơn vị phân tích cũng có sự thay đổi. Một mặt do những nhu cầu khác nhau của các nhóm di cư như trẻ em, vị thành niên, phụ nữ,... ngày càng khác biệt. Mặt khác, gia đình vốn được coi như là một đơn vị hòa hợp, thống nhất đang có sự thay đổi quan hệ quyền lực xét theo chiều cạnh giới và giữa các thế hệ trong gia đình. Để có thể tiếp cận được người di cư, được họ đồng ý tham gia vào nghiên cứu và thu nhận được những thông tin xác thực, người nghiên cứu cần phải sử dụng nhiều phương pháp: phương pháp luận nghiên cứu của dân tộc học, nghiên cứu tham dự, các phương pháp nghiên cứu định tính thu thập thông tin qua ảnh, hồi ức, cuộc nói chuyện, phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn sâu, quan sát tham dự cũng như các phương pháp chọn mẫu khác nhau đã được triển khai, thực nghiệm (Sam Wong, 2007).

Từ góc độ tiếp cận cấu trúc chức năng, hội nhập xã hội được xác định như một quá trình hòa hợp và cố kết vào các cấu trúc của hệ thống xã hội (Elif Kısar Koramaz, 2013). Hội nhập xã hội là trạng thái ổn định, bền vững của các mối quan hệ giữa các thành phần trong một hệ thống tổng thể (Wolfgang Bosswick and Friedrich Heckmann, 2006). Quá trình người nhập cư hội nhập vào xã hội sở tại cần phải được hiểu như là một trường hợp cụ thể của hội nhập xã hội. Hội nhập xã hội cần phải được cụ thể hóa thành hội nhập cấu trúc, hội nhập văn hóa, hội nhập tương tác và hội nhập về bản sắc (identifiable integration). Đây là những chiều cạnh cơ bản của hội nhập và thích hợp cho việc thao tác hóa trong nghiên cứu thực nghiệm và phát triển các chỉ báo đo lường (Heckmann and Schnapper, 2003). Trong một nghiên cứu về mức độ đồng hóa giữa người sinh ra ở nước ngoài và người bản địa ở Mỹ, một chỉ số đồng hóa đã được xây dựng dựa trên một nhóm các yếu tố kinh tế, văn hóa và công dân. Những chỉ số này có thể được đo một cách độc lập để tạo nên một chỉ số tổng hợp của ba thành phần. Trong đó, chỉ số kinh tế được phản ánh qua sự tham gia vào thị trường lao động, trình độ văn hóa giáo dục, khuôn mẫu sở hữu nhà ở của người sinh ra ở nước ngoài và người bản địa. Chỉ số văn hóa tập trung vào khả năng nói tiếng Anh (tiếng bản địa), hôn nhân và khuôn mẫu sinh đẻ. Chỉ số công dân được phản ánh qua tỷ lệ nhập quốc tịch và nghĩa vụ quân sự của người sinh ra ở nước ngoài và người bản địa (Jacob L. Vigdor, 2008).

Các yếu tố tác động đến hội nhập xã hội.

Với quan điểm coi hội nhập xã hội như là một chỉ báo về sự hài lòng với cuộc sống, nhiều cuộc khảo sát về ảnh hưởng của các biến số kinh tế, xã hội và văn hóa đến sự hài lòng với cuộc sống đã được thực hiện ở châu Á và châu Âu. Một khung lý thuyết thống nhất đã được thiết kế cho cả ba biến số bằng cách xác định sự hài lòng với cuộc sống thể hiện qua sự khao khát và sự kỳ vọng. Những trạng thái này đến lượt nó lại bị tác động bởi các biến số ở cấp độ vi mô và vĩ mô. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, ở cấp độ vi mô, vốn kinh tế là nguồn lực đối với người hành động. Ở cấp độ vĩ mô, vốn kinh tế - xã hội cải thiện cấu trúc cơ hội cho cá nhân trong những điều kiện nhất định. Do vậy, vốn kinh tế ở cả hai cấp độ đã có tác động tích cực đến việc hiện thực hóa những khát vọng cá nhân. Chẳng hạn như sự kỳ vọng không thay đổi, sự hài lòng với cuộc sống sẽ tăng. Vốn xã hội và vốn văn hóa một phần nào đó cũng diễn ra cùng với logic đó (Wolfgang Jagodzinski, 2009).

Truyền thông xã hội cũng được xem xét trong vai trò là yếu tố nâng cao kiến thức hội nhập từ cách tiếp cận vốn xã hội. Các kết quả thực nghiệm cho thấy truyền thông xã hội hỗ trợ việc hình thành vốn xã hội của người làm công ăn lương qua mạng lưới xã hội, niềm tin và ngôn ngữ cùng chia sẻ. Những biến số trung gian này đến lượt nó lại có tác động dương tính lên chỉ số hội nhập tri thức (Xiongfei Cao & Xitong Guo & Hefu Liu & Jibao Gu, 2013).

Tác động của hiện tượng nhập cư đối với nước sở tại/cộng đồng địa phương.

Hầu hết các kết quả nghiên cứu tập trung vào ba phương diện; dân số, kinh tế-xã hội và văn hóa. Về mặt dân số, các tài liệu cho thấy trong một vài thập kỷ qua, hiện tượng nhập cư đã làm chuyển đổi các đô thị lớn trên khắp nước Mỹ trong đó có thành phố Philadelphia. Sự chuyển đổi nhanh và mạnh của nền kinh tế toàn cầu đã đẩy thị trường lao động thế giới vào tình trạng thay đổi liên tục, khó có thể dự đoán và hiện tượng di cư lao động quốc tế ngày càng mạnh mẽ. Lần đầu tiên kể từ những năm 1920, Luật Liên bang về xuất nhập cảnh năm 1965 (The Federal Immigration Act), đã mở cửa biên giới nước Mỹ cho những người nhập cư châu Âu không phải phương Tây và những công nhân từ khắp nơi trên thế giới di cư đến Mỹ để tìm việc làm.

Khi chiến tranh ở Việt Nam kết thúc tháng 4/1975, người Việt Nam sang định cư tại Mỹ tăng nhanh. Vào cuối những năm 1970 và 1980, người Việt Nam, Campuchia và Lào ở tại Mỹ đã xây dựng những cộng đồng sống động ở Nam Philadelphia. Một kết quả nghiên cứu về sự phát triển và đặc trưng của những người nước ngoài nhập cư vào thành phố Philadelphia thời kỳ 1970-2006, nhận xét, thủ phủ Philadelphia có những cộng đồng nhập cư và tị nạn đến từ nhiều quốc gia, trong đó đến từ châu Á chiếm tới 39% tổng số người nhập cư và tị nạn (Daniel Amsterdam, 2007).

Úc cũng là nước tiếp nhận nhiều người Việt di cư đến sau năm 1975, và đã thực hiện tái định cư cho những người này.

Kết quả điều tra dân số năm 2001, có 155.000 người Úc gốc Việt trong đó, thế hệ đầu tiên người Úc gốc Việt đông hơn thế hệ thứ hai người Úc gốc Việt (74% so với 26%). Tại các cuộc Tổng điều tra năm 2006, 173.663 cư dân Úc tuyên bố mình là người gốc Việt. Hơn 2.190 tuyên bố mình có tổ tiên là người Hmong (Australian Bureau of Statistics 20680-Ancestry (full classification list) by Sex - Australia). Có một tỷ lệ lớn người Úc gốc Việt sống ở Melbourne và Sydney. Những cộng đồng lớn người Việt di cư rõ ràng đã làm thay đổi ít nhiều các đô thị và các địa phương của Mỹ và Úc.

Tác động kinh tế - xã hội, văn hóa

Người nhập cư và các thế hệ con cháu họ là tương lai của lực lượng lao động Mỹ. Chính vì vậy, việc họ có hội nhập được là mục tiêu chính trong các chiến lược tối đa hóa tiềm năng năng suất lao động hiện nay cũng như trong tương lai của lực lượng lao động Mỹ (Michael, ed., 2008).

Theo kết quả nghiên cứu, người nhập cư vào thành phố Philadelphia đã làm thay đổi mạnh mẽ đời sống chính trị, văn hóa, kinh tế của cả vùng. Từ năm 2000, những người tị nạn đóng góp 75% vào sự tăng trưởng lực lượng lao động ở Philadelphia, so với những năm 1990, đóng góp của họ chỉ chiếm 36% vào sự tăng trưởng của toàn bộ lực lượng lao động ở Philadelphia. Các nhóm nhập cư đến từ nhiều quốc gia bao gồm những người có trình độ nghề nghiệp, kỹ năng cao, người tị nạn hay là người lao động đã đem đến cả cơ hội và thách thức đối với những người hoạch định chính sách,

tổ chức cung cấp dịch vụ và các cộng đồng địa phương ở Philadelphia (Audrey Singer, et al., 2008, tr. 1).

Từ góc độ dân tộc học, kết quả nghiên cứu kinh tế hộ gia đình của người tị nạn Việt Nam ở Philadelphia cho thấy sự đa dạng về nhóm tuổi và giới; Họ có khả năng đáp ứng tốt những nhu cầu kinh tế mới. Nghiên cứu này phân tích “câu chuyện thành công” của người tị nạn Việt Nam trên đất Mỹ, đánh giá cấu trúc hộ gia đình và ý thức gia đình đóng vai trò quan trọng, hỗ trợ các thành viên trong gia đình hội nhập vào xã hội Mỹ (Kibria, Nazli, 1994). Sự đóng góp kinh tế của người Mỹ gốc Việt đã nhận được thái độ tích cực của người bản địa Philadelphia (Pew Center for Civic Journalism, 2000) mặc dù họ cũng gây ra một vài vấn đề rắc rối trong các cộng đồng địa phương.

Cuộc sống của người Việt Nam, người Campuchia và người Hàn Quốc ở Philadelphia thể hiện rõ bản sắc dân tộc của mỗi dân tộc, phản ánh chi tiết qua những thiết chế, những hoạt động xã hội. Các kết quả nghiên cứu nhấn mạnh đến khả năng dễ điều chỉnh, linh hoạt của bản sắc dân tộc: liên tục được cấu trúc lại cho phù hợp với những lợi ích giai cấp, chính trị đang thay đổi và tương tác với các lực lượng bên ngoài có mối liên hệ với cộng đồng dân tộc đó (Jae-Hyp Lee, 1998). Những người nhập cư vào nước Mỹ đã đóng góp vào việc tái cấu trúc nền kinh tế Mỹ và định hình lại những mối quan hệ dân tộc và chủng tộc ở Philadelphia (Judith Goode và đồng nghiệp, 1994).

Ngày nay nếu bạn đi dọc con đường Washington ở Philadelphia, sẽ thấy san sát những cửa hàng Phở, các cửa hàng bán những món ăn Việt Nam, Chùa Bồ Đề, siêu thị, quán karaoke, đại lý du lịch, các phòng khám bệnh,... tạo nên những trung tâm thương mại. Hoạt động kinh tế của người Việt Nam ở Mỹ vẫn chủ yếu mang tính chất kinh tế gia đình, nhỏ, lẻ... Nhiều việc làm do người lao động tự tổ chức và có thu nhập, mặc dù thấp. Đây có thể coi là một trong những lý do khiến một kết quả khảo sát gần đây nhất về người nhập cư thuộc sáu dân tộc châu Á đưa ra nhận định rằng, người Mỹ gốc Việt có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất, thu nhập thấp nhất và số năm đi học thấp nhất so sánh trong nhóm người nhập cư đến từ sáu dân tộc châu Á này (John R. Logan and Weiwei Zhang, 2010). Trong khi đó cuộc khảo sát của Viện nghiên cứu Manhattan đưa ra bằng chứng cho thấy người Mỹ gốc Việt là một trong những nhóm nhập cư có chỉ số hội nhập cao nhất với sự phân tích lý do là vì đa số họ là người tị nạn nên chỉ số hội nhập chính trị cao nhất (qua số lượng người nhập quốc tịch cao), chỉ số hội nhập về kinh tế và văn hóa cũng tương tự như các nhóm nhập cư khác (Jacob L. Vigdor, 2008).

Tóm lại, Những vấn đề liên quan đến hiện tượng di cư ra nước ngoài sinh sống đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu. Nhiều khái niệm đã được phát triển trong đó có sự tập trung vào việc đo lường khái niệm hội nhập xã hội. Những hướng tiếp cận trong nghiên cứu hiện tượng hội nhập xã hội trở thành chủ đề của nhiều cuốn sách. Nội dung nghiên

cứu thường tập trung vào hiện tượng hội nhập xã hội của người nhập cư và những tác động của hiện tượng nhập cư đối với nước sở tại, sự tập trung của người nhập cư ở những thành phố lớn. Hầu hết những nghiên cứu đều sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, bộc lộ khá nhiều hạn chế, khó khăn trong việc phân tích những hành vi thực sự của khách thể phản ánh nhận thức của chủ thể hành động. Do vậy, để có được một bức tranh hoàn chỉnh về hội nhập xã hội của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, bên cạnh nghiên cứu định lượng cần phải sử dụng những thông tin từ nghiên cứu định tính để có thể phân tích đầy đủ hơn và sâu sắc hơn.

3. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Thuật ngữ *người Việt Nam định cư ở nước ngoài* chỉ những người có nguồn gốc Việt Nam định cư bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Kế thừa những quan điểm của Elif Kısar Koramaz (2013), Wolfgang B. & Friedrich H. (2006) và Heckmann F. & Schnapper, D. (eds.) (2003), khái niệm *hội nhập xã hội* trong bài viết này trước hết được phản ánh qua việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài có khả năng tham gia vào các thiết chế kinh tế và thị trường lao động, hệ thống giáo dục, nhà ở, phúc lợi xã hội và có đầy đủ quyền công dân; phát triển năng lực song hành văn hóa và tính cách để đáp ứng các nhu cầu của cá nhân và xã hội; chấp nhận và hòa nhập vào trong các mối quan hệ chính và các mạng lưới xã hội thông qua các hành vi hôn nhân, tham gia vào các tổ chức xã hội dân sự,... hình thành năng lực giao tiếp, cảm giác thuộc về và

xác định bản sắc dân tộc, quốc gia của mình.

Tiếp cận lý thuyết. Từ hướng tiếp cận văn hóa, các quan điểm trong lý thuyết đồng hóa, thuyết đa văn hóa, thuyết cấu trúc và tích hợp phân đoạn đồng hóa đã được sử dụng nghiên cứu hiện tượng hội nhập văn hóa, trong đó có hội nhập xã hội. Từ hướng tiếp cận kinh tế đối với hiện tượng hội nhập văn hóa, các quan điểm thuyết thích ứng văn hóa, hình thành bản sắc, các chiến lược tiếp biến văn hóa, thích ứng văn hóa, năng động truyền thụ văn hóa, các cơ hội kinh tế-xã hội, bổ sung và khả năng thay thế trong vốn xã hội, các quá trình xã hội hóa, những yếu tố bên ngoài và những kỳ vọng cũng đã được sử dụng vào phân tích hiện tượng hội nhập văn hóa (Yann Algan, Alberto Bisin, Thierry Verdier, 2012) và hội nhập xã hội.

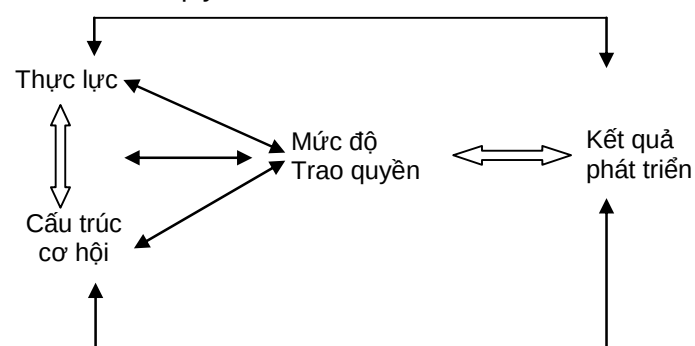
Cùng với quá trình mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền con người, tiếp cận dựa trên các quyền hoặc trao quyền ngày càng được các tổ chức quốc tế, các nhà nghiên cứu sử dụng và tỏ ra thích hợp, hữu ích khi áp dụng vào nghiên cứu hội nhập xã hội của người nhập cư.

Tiếp cận dựa trên khái niệm trao quyền tập trung phân tích những yếu tố can thiệp vào quá trình phát triển, cách thức đo lường và giám sát các quá trình trao quyền và kết quả đạt được. Trao quyền có nghĩa là nâng cao năng lực của một cá nhân hoặc một nhóm để họ có khả năng đưa ra những sự lựa chọn có chủ đích và chuyển đổi những lựa chọn thành hành động và

kết quả mong muốn. Nếu cá nhân hoặc nhóm có quyền, họ có khả năng làm cho sự lựa chọn có hiệu quả, có nghĩa là có khả năng chuyển sự lựa chọn của họ thành hành động và kết quả mong muốn. Như hình 1 cho thấy, khả năng đó bị ảnh hưởng chủ yếu bởi hai yếu tố liên quan đến nhau: thực lực và cấu trúc cơ hội. *Thực lực* là khả năng của một cá nhân có thể đưa ra được một sự lựa chọn có ý nghĩa, có nghĩa là xem xét và đưa ra sự lựa chọn có mục đích. *Cấu trúc cơ hội* là yếu tố hoàn cảnh có ảnh hưởng đến việc chuyển đổi những lựa chọn của cá nhân thành hành động có hiệu quả. Mức độ thực tế của trao quyền phụ thuộc vào mức độ thực lực của cá nhân và bản chất của cấu trúc cơ hội (Ruth Alsop, 2006) (xem Hình 1).

Khung phân tích trao quyền được sử dụng để phân tích các chính sách đối với người nhập cư của nước sở tại trong việc giúp cho người nhập cư có khả năng hội nhập vào các thiết chế cơ bản của xã hội như thị trường lao động, nhà ở, giáo dục, y tế,... đảm bảo quyền công dân và các cơ hội phát triển tương xứng

Hình 1. Mối quan hệ giữa kết quả và các yếu tố tương liên của trao quyền



Nguồn: Ruth Alsop, Mette Bertelsen, Jeremy Holland, 2005.

với những đóng góp của họ ở nước sở tại. Những hướng tiếp cận đã nêu ở trên được vận dụng vào phân tích mức độ hội nhập của người Việt Nam di cư vào xã hội sở tại.

4. DỮ LIỆU

Định cư ở nước ngoài và hội nhập xã hội là những vấn đề nhạy cảm. Do vậy, tiếp cận người Việt Nam định cư ở nước ngoài và được họ tin cậy, chia sẻ thông tin là vấn đề không dễ dàng. Để khách thể tự nguyện đồng ý tham gia, chúng tôi đã làm quen, tạo mối thân thiện với khách thể nghiên cứu. Trước hết chúng tôi đã liên hệ với cộng đồng người Việt ở Cabramatta, NSW Australia vào tháng 11/2013. Sau đó là cộng đồng người Việt ở Philadelphia. PA. US vào giữa tháng 2 và tháng 3/2014. Với sự giới thiệu của người thân, bạn bè, chúng tôi đã được một số gia đình người Việt mời đến nhà họ ở. Sau khi nghe trình bày và hiểu rõ được mục tiêu nghiên cứu, sự cam kết, chúng tôi đã tiếp xúc được 22 người từ 18 tuổi trở lên trong đó có 11 người trong những gia đình đa thế hệ. Dựa trên những câu chuyện, những quan sát hàng ngày, những chuyến đi dã ngoại,... với tư cách là người nghe kể chuyện, tôn trọng những cảm xúc, suy nghĩ và hành động của họ, chúng tôi đã thu thập được những thông tin chân thực từ những câu chuyện kể của họ.

Những thông tin thu được nhằm trả lời các câu hỏi nghiên cứu: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là ai? Hội nhập xã hội đã tác động như thế nào đến những cơ hội phát triển của mỗi cá nhân và cộng đồng nơi họ đang sinh sống? Hội

nhập xã hội đã tạo ra sự hài lòng của cư dân như thế nào? Sau nhiều thập kỷ sống và làm việc, những gia đình người Việt Nam đã có tới hai, ba thế hệ đang sống ở Mỹ, ở Australia,... đã hội nhập được vào xã hội sở tại đến mức độ nào? Qua đó họ đã có những đóng góp gì cho cộng đồng, đồng thời họ đã nhận được gì từ cộng đồng tương xứng với sự đóng góp của họ?...

Thông tin định tính được thu thập từ những câu chuyện kể và quan sát tham dự ở hai cộng đồng trên, kết hợp với dữ liệu định lượng từ những tài liệu và kết quả nghiên cứu trước đó là cơ sở dữ liệu cho những nội dung được trình bày trong bài viết này.

5. KẾT QUẢ

Theo các tài liệu, trước 1975, những người Việt tại Mỹ là vợ hoặc con của những người lính Mỹ tại Việt Nam hoặc là học sinh, thương gia đến định cư ở Mỹ, ước tính khoảng 15.000 người⁽¹⁾. Sau sự kiện 30/4/1975, chiến tranh ở Việt Nam kết thúc, làn sóng di tản đầu tiên bắt đầu với khoảng 125.000 người. Tiếp theo đó là những đợt di tản của thuyền nhân, vượt biên, ví dụ năm 1975 có 378 người; 1976: 5.247 người; 1977: 15.690 (Wain, Barry. *The Refused*. New York: Simon and Schuster, 1981).

“Những người Việt Nam ra đi trước, trong và sau năm 1975 chúng ta gọi là những “nạn nhân của chiến tranh”,... Không có con số thống kê chính xác nhưng ước tính, chúng ta mất hàng ngàn người ngoài biển Đông. Có những chuyến đi mấy trăm người không ai sống sót, có những chuyến 2/3 tử nạn. Rất ít

có chuyển 100% người sống sót. Đó là thực tế” (Trúc Quỳnh, 2014).

“... các anh chị em đều định cư ở nước ngoài trong đó có 1 số người đi bằng đường biển (vượt biên) có 3 anh trai, 3 chị dâu và 7 người cháu mất tích trên biển trong một chuyến vượt biên. Từ đó đến nay gia đình đã cố gắng tìm kiếm nhưng không có tin tức gì” (Người kể số 10, Nữ, Sydney, Australia).

Vì mục đích nhân đạo và đáp ứng nhu cầu đoàn tụ của nhiều người dân, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua Đạo luật Người Tỵ nạn năm 1980 (*Refugee Act of 1980*), đồng thời Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chấp nhận Chương trình Ra đi có Trật tự (*Orderly Departure Program* - ODP) do Hoa Kỳ đề xuất, dưới sự điều khiển của Cao ủy Tỵ nạn Liên Hiệp Quốc (United Nations High Commissioner for Refugees). Chương trình này cho phép một số người dân rời khỏi Việt Nam hợp pháp để đoàn tụ gia đình và những lý do nhân đạo khác. Giữa những năm 1981 và 2000, Hoa Kỳ tiếp nhận 531.310 người di tản từ Việt Nam (http://vi.wikipedia.org/wiki/Người_Mỹ_gốc_Việt). Chính bối cảnh ra đi đã quyết định đến mức độ hội nhập xã hội của người Việt Nam định cư ở các nước phát triển như Mỹ và Australia.

Chỉ số hội nhập xã hội

Theo một cuộc nghiên cứu năm 2008 của Học viện Manhattan, người Mỹ gốc Việt là một trong những nhóm người nhập cư có chỉ số hội nhập xã hội cao nhất tại Mỹ, trong đó chỉ số hội nhập về quyền công dân là cao nhất trong các nhóm người nhập cư nhưng chỉ số hội

nhập về văn hóa và kinh tế cũng tương tự như các nhóm nhập cư khác (Jacob L. Vigdor, 2008).

Chỉ số hội nhập xã hội trước hết được phản ánh qua việc người nhập cư hội nhập vào các hoạt động kinh tế, có nghĩa là họ có đủ khả năng tham gia vào các thiết chế kinh tế và thị trường lao động, hệ thống giáo dục, nhà ở, phúc lợi xã hội. Được tham gia vào những thiết chế này là điều kiện quyết định để cá nhân có được một vị thế kinh tế - xã hội nhất định và qua đó, họ sẽ có khả năng tiếp cận được các nguồn lực xã hội, có đầy đủ quyền công dân chính trị, giúp họ phát triển trong xã hội hiện đại sở tại.

Nhớ lại thuở ban đầu đó là một thời kỳ khó khăn đối với tất cả người Việt khi là những người mới đến, yếu thế về ngôn ngữ, không nghề nghiệp. Câu chuyện sau là một ví dụ: *“Tất cả qua đều hai bàn tay trắng, nghèo đói, cô đơn, không chuẩn bị kỹ năng hội nhập xứ này”*... Một trong những thuận lợi đầu tiên có được chính là khoản tiền trợ cấp đi học của chính quyền nước sở tại. Với khoản chu cấp 2 tuần 1 lần, Sang đã dồn toàn bộ cho việc học. Việc đầu tiên là đi học tiếng Anh. Tốt nghiệp trung học, ông theo học về kỹ sư điện tại trường Swinburne và công nghệ thông tin tại Đại học RMIT... Một trong những điều luôn ám ảnh cậu thanh niên Sang những ngày đầu tiên đó là cộng đồng người Việt. Chứng kiến những nhóm sắc tộc, cộng đồng khác nhập cư vào Australia định hình một cách có tổ chức, Sang đã luôn tự thôi thúc phải làm gì đó tương tự. Trước hết là có được các quyền lợi như xin hỗ trợ của chính phủ về học tập,

ngôn ngữ, hệ thống y tế, phúc lợi xã hội, trợ giúp việc làm... (Xuân Linh, 2013).

“Chồng tôi di cư vào Nam năm 1954; Là đại tá quân đội Việt Nam Cộng hòa. Năm 1993 di cư sang Mỹ theo diện HO. Thời gian đầu sang Mỹ: hai vợ chồng được đi học tiếng Anh và học lắp ráp linh kiện điện tử trong 3 tháng (Miễn phí). Sau đó chúng tôi xin vào làm việc tại một công ty, lương được hơn \$4/1 giờ. Chúng tôi phải làm việc rất chăm chỉ, làm vất vả, ngày nào cũng làm thêm 4 giờ (vì tiền công gấp đôi/ giờ làm thêm), thường 12 giờ đêm mới về nhà ăn cơm, hiếm khi cả nhà ngồi ăn cơm cùng nhau,... Chăm chỉ nên được chủ tin cậy, tạo điều kiện tốt để nâng thu nhập... chỉ sau 3 năm chúng tôi đã mua được căn nhà hiện nay tôi đang ở” (Người nói chuyện 12. Nữ. Maryland, U.S).

Một trở ngại rất lớn của người Việt khi đi tìm việc làm là bằng cấp của họ ở Việt Nam không được các nước công nhận. Dù họ đã tốt nghiệp đại học và đã có một nghề nghiệp ở Việt Nam, khi định cư ở các nước phát triển như Mỹ hoặc Australia, muốn xin làm một công việc tương đương như ở Việt Nam, họ đều phải đi học lại. Nếu không có đủ điều kiện, nhất là về tài chính thì họ chỉ có thể làm những công việc phổ thông hoặc tự tổ chức lấy công việc làm.

“Tôi vốn là giáo viên dạy văn; Chồng tôi là giáo viên dạy Nga văn trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Khi sang đến Úc, chồng phải học lại đại học ngành công nghệ thông tin; Các con đều trưởng thành, học đại học, cả nhà đều có nghề nghiệp ổn định” (Người kể chuyện 7. Nữ. Sydney. Australia).

“Trước khi sang Úc tôi đã tốt nghiệp Đại học Giao thông vận tải, làm tại Viện Kỹ thuật Bộ Giao thông vận tải. Sang Úc năm 1991, hiện nay làm bảo vệ ở trường phổ thông. Vợ tôi tốt nghiệp Đại học ngoại ngữ - Nga văn; Đã làm phiên dịch 10 năm trên thủy điện Sông Đà. Hiện nay ở nhà nhận trông trẻ; Làm việc nhà và chăm sóc con học” (Người kể chuyện 8. Nam. Sydney. Australia).

Hầu hết thể hệ thứ hai của người Việt định cư ở nước ngoài đều vào học tại tất cả các cấp học. Đây được coi là thể hệ để thực hiện giấc mơ của bố mẹ chúng. Được bố mẹ đặt niềm tin và hỗ trợ hết mức cho sự thành đạt của chúng. Tất nhiên, sự thành đạt chỉ có thể có được với điều kiện phải có sự nỗ lực rất lớn của bản thân thể hệ trẻ.

“Chúng cháu đi học trường của Bang nên được hưởng ưu đãi về học phí. Ra trường cả hai chị em đều xin được việc làm tốt. Sau đó chúng cháu lại xin đi học tiếp cao học; Phải nỗ lực lắm, nếu mình không đạt được điểm cao trở lên thì sẽ không được nhận tài trợ, phải trả lại tiền học phí cho Công ty đã tài trợ. Cháu có 2 bằng master còn em cháu cũng đã có bằng master rồi. Phải cố gắng liên tục nếu không sẽ bị đào thải” (Người kể chuyện 13. Nữ. Maryland. U.S).

Tuy nhiên không phải ai cũng thành công nếu không có sự cố gắng cao, liên tục và đặc biệt là sự quan tâm của gia đình.

“Tỷ lệ thành công 50/50. Nhiều bố mẹ do áp lực công việc nên không có điều kiện chăm sóc, quan tâm đến việc học của con. Nhiều đứa đi chơi với bạn xấu,... không có việc làm, quậy phá” (Người kể chuyện 12. Nữ, Maryland. U.S).

Kết quả khảo sát dân số Mỹ năm 2007 cho thấy có tới 64,9% người Mỹ gốc Việt từ 16 tuổi trở lên có thể tham gia lực lượng lao động và 59,3% phụ nữ đủ tuổi tham gia lực lượng lao động. Người Mỹ gốc Việt thường làm một số nghề sau: 31,5% làm nghề quản trị, nghề đòi hỏi có đào tạo về chuyên môn, thấp hơn người Mỹ nói chung (tỷ lệ 34,6%). 24,9% người làm trong ngành dịch vụ, cao hơn người Mỹ nói chung là (16,7%)... Trong khi đó chỉ có 0,4% theo nông nghiệp, ngư nghiệp, hay lâm nghiệp. Về khu vực kinh tế, thì 82% người Mỹ gốc Việt làm cho các hãng tư nhân, 9,2% làm việc cho nhà nước, và 8,5% tự tổ chức công việc cho mình (United States Census Bureau). Trên đây là con số thống kê trên phạm vi cả nước Mỹ nhưng khi xem xét đến từng bang thì có sự khác biệt. Ví dụ, khoảng 80% thợ làm móng tay là người Mỹ gốc Việt tập trung ở bang California (The Los Angeles Times, 2008) và một phần ba người Mỹ gốc Việt ở vùng vịnh Mexico, làm các công việc trong lĩnh vực ngư nghiệp (My-Thuan Tran, 2008).

Kết quả nghiên cứu gần đây nhất, trong số sáu cộng đồng gốc châu Á đông dân nhất tại Mỹ là Ấn Độ, Nhật Bản, Philippines, Triều Tiên, Trung Quốc và Việt Nam, người Việt Nam có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất, thu nhập thấp nhất và học vấn ít nhất. Cụ thể, tỷ lệ người không có công ăn việc làm trong cộng đồng người Việt cao nhất, lên đến 10,6% năm 2010, trong khi tỷ lệ thất nghiệp của người nhập cư Nhật là 4,7% và người nhập cư người Triều Tiên là 8,4%. Thu nhập bình quân hàng năm của một hộ

gia đình người Việt cũng thuộc loại thấp nhất, với mức 52.830 đô la, chỉ hơn thu nhập của hộ gia đình người Triều Tiên là 50.000 đô la, nhưng thấp hơn nhiều so với bốn cộng đồng còn lại. Thất nghiệp nhiều, thu nhập thấp nên có tới 1,8% người Mỹ gốc Việt nhận trợ cấp xã hội của chính phủ, cao nhất trong số sáu nhóm nhập cư gốc châu Á, mặc dù tỷ lệ này đã giảm đáng kể so với mức 10,7% (năm 1990), và 4,3% (năm 2000). Về phương diện học vấn – tính theo số năm học trong trường, người Việt có số năm học bình quân 11,8 năm vào năm 2010, trong khi người Hoa là 13,9 năm, người Philippines là 14,1 năm và người Ấn Độ là 15,5 năm (John R. Logan và Weiwei Zhang, 2013).

Theo Văn phòng đánh giá tài sản, khoảng một nửa số tài sản của 500 tòa nhà ở Washington Avenue, Philadelphia là của người Mỹ gốc Việt sở hữu. Tại Philadelphia có tới 67,3% người Mỹ gốc Việt sống tại nhà do họ sở hữu, chỉ có 32,7% sống trong nhà họ thuê. Có nhà ở là một phần giấc mơ Mỹ của người Việt ở đây (Austin Argentieri, 2011).

Tại thành phố Philadelphia, dọc trên con đường Washington có thể nhìn thấy những khu trung tâm thương mại sầm uất trong đó đa số do người Mỹ gốc Việt làm chủ như Trung tâm Hòa Bình Plaza tại 16 St & Washington, Wing Phát Plaza tại 11St và Washington, Thế giới mới Plaza và siêu thị Oriental tại 6St và Washington. Những Trung tâm thương mại này trước đây là những khu công nghiệp bị bỏ hoang, đã được người Việt hồi sinh, biến thành những trung tâm thương mại sống động. Đây được coi

như là biểu tượng về tính linh hoạt của người Việt trong quá trình thực hiện Giấc mơ Mỹ của họ. Chính không gian kiến trúc này đã tạo ra một cảm giác về "tình đoàn kết" của cộng đồng người Mỹ gốc Việt tại Philadelphia.

Hội nhập xã hội và bản sắc văn hóa Việt Nam

Trong các cuộc nghiên cứu thực địa tại Philadelphia, đa số sinh viên đại học trẻ người Mỹ gốc Việt muốn được công nhận bản sắc văn hóa Việt Nam của họ, chứ không muốn bị gộp chung vào các nhóm dân tộc châu Á khác, đặc biệt là không muốn bị hòa trộn vào văn hóa Trung Quốc (Aguilar-San Juan, Karin, 2008). Kiến trúc các khu trung tâm thương mại do những người Mỹ gốc Việt điều hành ở Philadelphia khác với đa số những khu thương mại của người Việt ở các bang khác với biểu tượng kiến trúc của chợ Bến Thành ở Sài Gòn. Nó hoàn toàn tương phản với các khu phố Tàu với những cổng chào có màu đỏ chủ đạo nhằm gây ấn tượng mạnh. Một số nhà nghiên cứu nhận định rằng, sự khác biệt này có thể là cố ý, như một sự khẳng định chiến lược của cộng đồng người Việt ở Philadelphia. Cách Sydney khoảng 20 phút đi xe là Cabramatta thủ phủ của người Việt Nam tại Australia. Những hoạt động kinh tế ở đây đều do người Việt nắm giữ, người thuộc dân tộc khác muốn làm việc ở đây đều phải biết tiếng Việt. Kiến trúc chợ Bến Thành không chỉ hiện diện ở đây mà còn hiện diện ở hầu khắp những bang có nhiều người Việt định cư trên đất Mỹ và Australia. Nó không chỉ là bằng chứng về hoạt động kinh tế đặc trưng mà còn là



Wing Phát Plaza tại 11St&Washington, Philadelphia. Ảnh chụp 2014.



Chợ Eden ở bang Maryland. U.S. Ảnh chụp 2014.

Bánh Hoi Cuốn với Rau/Bánh Tráng		
Rice Paper Rolls w/ Vermicelli & Salad		
(Rice paper wrapped with slices of pork, vermicelli, salad, lettuce, cucumber and herbs)		
46. Bánh Hoi Thịt Nướng	Thin Vermicelli Cold Pork	12.95
Thin pork slices, grilled pork wrapped with lettuce, thin vermicelli and rice paper		
47. Bánh Hoi Tôm Thịt Nướng	Thin Vermicelli Spring Roll Grilled Pork	12.95
Grilled shrimp and sliced pork wrapped with vermicelli and rice paper		
48. Bánh Hoi Nấm Nướng	Thin Vermicelli Grilled Pork Patties	12.95
Very delicious grilled pork patties wrapped in steamed vermicelli and rice paper		
49. Bánh Hoi Cháo Tôm	Thin Vermicelli Singapore Shrimp Roll	13.95
Grilled Singapore shrimp rolls served with steamed thin vermicelli		
50. Bún Hoi Dac Biet	Thin Vermicelli Cold Pork Plate	15.95
Everything listed above in one big plate		
Lau Vietnamese Hot Pot Soup		
51. Lau Ca	Fish Hot Pot	38.95
A combination of fish, veggies, bamboo, eel and tomatoes in soup broth		
52. Lau Thai	Spicy Thai style Hot Pot	34.95
Spicy Thai style seafood soup served with vegetables, corn, tofu and fish		
53. Lau 1-2	Beef & Tofu Hot Pot	33.95
A spicy beef, seafood and vegetables hot pot		
54. Lau Chay	Vegetarian Hot Pot	32.95
A spicy combination of vegetables and tofu served in a sweet and sour broth		
Bun Kho - Vermicelli Rice Noodles		
(Dry vermicelli rice noodle bowl served with salad, bean sprouts, basil, peanuts and special fish sauce)		
55. Bun Cha Gio	Crispy Egg Roll Vermicelli Bowl	8.50
56. Bun Ga Nuong	Grilled Chicken Vermicelli	8.95
57. Bun Bo Nuong	Grilled Beef Vermicelli	8.95
58. Bun Tôm Nuong	Grilled Shrimp Vermicelli	9.95
59. Bun Thịt Bò Nuong	Grilled Pork Vermicelli	8.95
60. Bun Tôm Thịt Nuong	Grilled Shrimp & Pork	8.95
(Add egg roll for only \$1.00)		
61. Bun Cha Hoa Binh	"Ha Noi" style Grilled Pork	8.95
No fish style vermicelli bowl served with pork, beef, bean sprouts, lettuce, tomatoes, and special fish sauce		
62. Bun Bo Xao Cay Hoanh	Spicy Beef/Chicken	8.95
Beef stir-fried with onion, lemongrass and garlic		
Bun Nuoc- Vermicelli Rice Noodle SOUP		
(Vermicelli Rice Noodle Soup is a very popular everyday Vietnamese dish, served with bean sprouts, lime, basil, cucumber, and fish sauce)		

Thực đơn tại các nhà hàng Việt Nam tại Chợ Eden, Maryland. U.S. Ảnh chụp 2014.

một minh chứng về sự duy trì bản sắc văn hóa của người Việt định cư ở nước ngoài.

Người Mỹ gốc Việt là một trong những nhóm người nhập cư mới nhất tại Hoa Kỳ cũng như ở Australia cho nên họ vẫn còn có sự gắn kết khá chặt chẽ với những giá trị văn hóa Việt Nam, đặc biệt là những người nhập cư thế hệ thứ nhất. Đến những trung tâm thương mại của người Việt, ăn những món ăn Việt, gặp gỡ người Việt, nói tiếng Việt,... là nhu cầu thường xuyên của người Việt định cư ở nước ngoài. Trong ngôi nhà của họ không thể thiếu bàn thờ tổ tiên với kiến trúc bàn thờ của người Việt Nam và những món ăn Việt trong mỗi bữa cơm



Chợ Bến Thành ở Melbourne. Australia. Ảnh chụp 2013.



Việt kiều ở Sydney. Ảnh chụp 2013.

gia đình hàng ngày.

Lựa chọn người để kết hôn được coi là một chỉ báo về hội nhập văn hóa - xã hội. Thực tiễn cho thấy đa số thanh niên Việt Nam, từ thế hệ thứ hai trở đi, định cư ở nước ngoài chọn những người cùng nguồn gốc để kết hôn. Tuy nhiên có sự khác biệt một chút nếu so sánh giữa nam và nữ (xem Bảng 1).

Theo điều tra năm 2000, có đến 1.009.627 người 5 tuổi trở lên tự khai rằng họ nói tiếng Việt ở nhà, khiến tiếng Việt trở thành ngôn ngữ đứng thứ 7 trong số những ngôn ngữ phổ thông tại Hoa Kỳ (http://vi.wikipedia.org/wiki/Người_Mỹ_gốc_Việt). Kết quả khảo sát các cộng đồng Mỹ gốc châu Á ở thành phố Philadelphia, cho thấy khả năng tiếng Anh của cộng đồng người Mỹ gốc Việt rất hạn chế so với các cộng đồng người Mỹ gốc Á khác: có 58% người Mỹ gốc Việt từ 5 tuổi trở lên không sử dụng lưu loát tiếng Anh. Học vấn của người Mỹ gốc Việt thấp nhất so với 12 cộng đồng Mỹ gốc châu Á. Đối với những người từ 25 tuổi trở lên chỉ có 13% có bằng cấp đại học, 48% có trình độ trung học. Học

Bảng 1: Nơi sinh của vợ/chồng của cô dâu và chú rể Việt Nam ở Australia (1999 - 2000)

		Chú rể			
		Người Australia	Người Việt Nam	Người nước khác	Tổng
Cô dâu	Người Australia		43		
	Người Viet Nam	161	1602	260	2023
	Người nước khác		216		
	Tổng		1861		

Nguồn: www.VietnameseInAustralia.com.au/Association/Statistics/Census_2001_001_Summary.asp. CabramattaNet.com.au-Vietnamese Community in Australia.

vấn và khả năng tiếng Anh thấp là yếu tố quyết định khiến người Mỹ gốc Việt khó có khả năng tiếp cận đến những việc làm có chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, dẫn đến kết quả có tới 59% người Mỹ gốc Việt có thu nhập thấp và 31% thuộc diện nghèo đói (chỉ có thu nhập khá hơn cộng đồng người Lào và Campuchia ở Mỹ) (US Census Bureau, 2013).

6. KẾT LUẬN VÀ BÌNH LUẬN

Mức độ hội nhập xã hội của cộng đồng người Việt tại các nước phát triển như Mỹ và Australia trong tương quan với các nhóm nhập cư gốc châu Á khác có thể được giải thích bởi lý do ra đi của họ.

Đại đa số người Việt sang các nước phát triển như Mỹ, Australia qua con đường di tản chứ không phải di dân như các nhóm nhập cư châu Á khác. Chính điều này dẫn đến sự khác biệt, đầu tiên là vấn đề tiếp cận thị trường lao động, nghề nghiệp và tài sản. Trong khi những di dân châu Á khác, ví dụ như người Philippin và Ấn Độ, họ đến định cư tại Mỹ trong tư thế là người di cư được chuẩn bị một cách chủ động với một kế hoạch về nghề nghiệp, tài sản, sức khỏe,...

Nước Mỹ chỉ ưu tiên cho phép nhập cư những người làm những nghề mà nước Mỹ đang thiếu, ví dụ như bác sĩ, dược sĩ, nhất là y tá. Đa số người Philippines được nhập cư vào Mỹ làm nghề chăm sóc người già, hay làm y tá vì nhu cầu nhân lực cho hai công việc này ở nước Mỹ khá cao. Đồng thời nguồn nhân lực này thường phải được đào tạo ở cấp đại học thì mới được hành nghề. Những người Ấn Độ được tuyển sang Mỹ, phần lớn là những người có ít nhất một bằng đại học, và rất nhiều người đã có bằng

tiến sĩ. Lý do là vì nền kinh tế Mỹ đang cần lao động chất lượng cao và thu nhập của nhóm lao động này cao hơn ở Ấn Độ nhiều cho nên nhiều trí thức Ấn Độ di cư sang Mỹ và họ được người Mỹ ưu tiên tuyển dụng. Kết quả người nhập cư Ấn Độ, Philippines có trình độ học cao nhất chính là do mục tiêu trong chính sách đối với người di cư của Mỹ.

Đa số người Việt Nam định cư ở Mỹ và Australia là người di tản. Khi họ ra đi phần lớn không được chuẩn bị học nghề để khi sang Mỹ, có thể xin được việc làm phù hợp với nhu cầu thị trường lao động Mỹ. Họ ra đi hai bàn tay trắng, hoặc là tài sản đã bị mất hết do bị cướp biển... Đến nước Mỹ, họ trở thành những người nghèo.

Mặt khác, trước khi đến Mỹ, nhiều người di tản Việt Nam là những người lính, chưa qua một chương trình đào tạo nghề, đã nhiều tuổi, kể cả những người ra đi theo chương trình đoàn tụ gia đình sau này, phần đông là những người từ 50 tuổi trở lên. Trong khi thị trường lao động Mỹ luôn ưu tiên người trẻ, được đào tạo chuyên môn và kỹ năng đáp ứng nhu cầu thị trường khi tuyển dụng.

Không có bằng cấp, chưa qua đào tạo, không có tài sản làm vốn liếng kinh doanh, khả năng tiếng Anh rất hạn chế, tất cả những yếu tố đó làm cho vị thế kinh tế - xã hội của người Việt di tản gặp khó khăn, và có lẽ đó là lý do chính khiến nhiều người Việt phải sống nhờ vào trợ cấp của chính phủ, đặc biệt là về y tế...

Khi nhập cư vào các nước phát triển như Australia, Mỹ, số người có thể đi làm ngay rất ít. Nhu cầu tìm được việc làm thích hợp với chuyên môn đã được đào

tạo tại Việt Nam là điều không thể. Những ai muốn tiếp cận được việc làm có chuyên môn và kỹ năng đều phải được đào tạo lại ở một trường đại học, trường nghề của nước sở tại.

Tuy nhiên, thể hệ thứ hai của người Việt định cư ở nước ngoài có trình độ học vấn cao hơn cha ông họ nhiều và tất nhiên, vị thế kinh tế - xã hội của họ cao hơn, do vậy chỉ số hội nhập xã hội giữa các thể hệ người nhập cư có sự khác biệt tương đối lớn. Nghiên cứu cũng cho thấy, khi người Việt định cư ở nước ngoài hội nhập kinh tế càng cao (có vị thế kinh tế - xã hội, thu nhập ổn định, có tài sản,...) nhu cầu thực hành và duy trì những giá trị, bản sắc văn hóa Việt càng cao và càng có nhiều khả năng thực hiện những nhu cầu đó trong đời sống hàng ngày.

Về mặt phương pháp luận, kết hợp phương pháp định lượng và định tính để nghiên cứu hiện tượng hội nhập xã hội của người Việt Nam định cư ở nước ngoài là một sự lựa chọn thích hợp. Những dữ liệu từ các câu chuyện, những trải nghiệm do khách thể nghiên cứu kể lại, những quan sát thực tiễn cuộc sống, những bức ảnh,... được kết nối lại, khái quát thành câu chuyện lớn sẽ giúp chúng ta khám phá ra được bản chất của hiện

thực khách quan, làm cho thể giới xung quanh ta được mô tả sống động và có ý nghĩa. Những câu chuyện lớn này cung cấp cho chúng ta một cấu trúc bao trùm lên toàn bộ những câu chuyện đã nghe kể, kết hợp chúng thành một thể chặt chẽ như một biểu tượng. Những hiện thực đó được xã hội chia sẻ và được nhiều người chấp nhận. Đó cũng là lý do giải thích cho việc chúng tôi đặt trọng tâm vào việc nghiên cứu những điều gì xảy ra trong quá trình người Việt định cư ở nước ngoài hội nhập vào xã hội sở tại và lý do tại sao lại có những hiện tượng đó. Ví dụ, khi được hỏi tại sao bạn rời Việt Nam định cư ở nước ngoài, đa số người đã sử dụng câu chuyện lớn - “Giấc mơ Mỹ” và “Đổi đời” làm câu trả lời, thể hiện mục đích ra đi của họ. Câu chuyện này đã từng và vẫn còn là sự kỳ vọng của một bộ phận người Việt hiện nay. Và những câu chuyện kể, những trải nghiệm của từng người trong cuộc đã phản ánh sống động bản chất của những câu chuyện đó. Nó giúp ta khám phá được khuôn mẫu di cư và cơ chế cần thiết để giúp người di cư vượt qua được những rào cản, hội nhập vào xã hội sở tại, góp phần vào sự phát triển của cả cá nhân và cộng đồng. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Chỉ tính người thuần Việt, không tính người đa chủng tộc.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Aguilar-San Juan, Karin. 2008: *Little Saigons: Staying Vietnamese in America*. Minneapolis: University of Minnesota Press.
2. Audrey Singer, Domenic Vitiello, Michael Katz, David Park. 2008. *Recent Immigration to Philadelphia: Regional Change in a Re-Emerging Gateway*. BROOKINGS November.
3. Austin Argentieri and Ariel Diliberto. 2011. *In South Philly, Subtly Staking Territory*. December 14.

4. Australian Bureau of Statistics 20680-Ancestry (full classification list) by Sex - Australia, xem nội dung tại http://en.wikipedia.org/wiki/Vietnamese_Australian.
5. Australian Bureau of Statistics. *Australian Social Trends -4102.0, 1994: Population Growth: Birthplaces of Australia's Settlers*. Retrieved 2008-03-14.
6. Báo Thế giới Việt Nam. *Tiềm năng và phân bố của người Việt ở nước ngoài* <http://www.tgvn.com.vn/Item/VN/KieuBao/2012/8/AC00DE8998409F1F/>
7. Daniel Amsterdam. 2007. *Immigration to the City of Philadelphia: An Economic and Historical Overview*. Philadelphia Migration Project Working Paper December 2007.
8. Elif Kısar Koramaz. 2013. *The Spatial Context of Social Integration*. Soc Indic Res. DOI 10.1007/s11205-013-0481-x. Accepted: 15 October 2013_ Springer Science+Business Media Dordrecht 2013.
9. Heckmann, F. and Schnapper, D. (eds.). 2003. *The Integration Of Immigrants In European Societies*, Stuttgart, Lucius and Lucius.
10. <http://www.mediafire.com>.
11. http://vi.wikipedia.org/wiki/Người_Mỹ_gốc_Việt.
12. Học viện Ngoại giao. 2012. http://www.vietnameseinaustralia.com.au/Association/Statistics/Census2001_001Summary.asp - *Tiềm năng và phân bố của người Việt ở nước ngoài*.
13. Jacob L. Vigdor. 2008. - Associate Professor of Public Policy. Studies and Economics, Duke University, Faculty Research Fellow, National Bureau of Economic Research: *Measuring Immigrant Assimilation in the United States*. Civic Report. No 53 May 2008.
14. Jae-Hyp Lee. 1998. *The Dynamics of Ethnic Identity: Three Asian American Communities in Philadelphia* (1998).
15. John R. Logan and Weiwei Zhang. 2013. (Department of Sociology, Brown University): *Separate but Equal: Asian Nationalities in the U.S. US2010 discover America in a New Century*. June 2013.
16. Kibria, Nazli. 1994. *Household Structure and Family Ideologies: The Dynamics of Immigrant Economic Adaptation among Vietnamese Refugees*. Social Problems 41 (1).
17. Michael Katz, David Park, Audrey Singer and Domenic Vitiello. (Michael Katz Walter H. Annenberg Professor of History, University of Pennsylvania). 2008. *Recent Immigration to Philadelphia: Regional Change in a Re-Emerging Gateway*. Report November 13, 2008.
18. My-Thuan Tran. 2008. *Vietnamese Nail Down the U.S. Manicure Business*. Los Angeles Times. Ngày 5/5/2008. Truy cập ngày 27/10/2009.
19. *Regional Australia Growth*. Australia (Catalogue 3310.0) ABS. February 2001.
20. Ruth Alsop, Mette Bertelsen, Jeremy Holland. 2006. *Trao quyền trong thực tế: từ phân tích đến thực hiện*. A World Bank Learning Module. May 2007. The International Bank for Reconstruction and Development /The World Bank. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
21. The Los Angeles Times. 2008. *Indicted Louisiana Rep. William J. Jefferson Loses Reelection Bid*. Associated Press, ngày 7/12/2008.
22. Trúc Quỳnh. 2014. *Cầu siêu cho tất cả những người lính hy sinh vì biển đảo*. Tiền Phong online, ngày 04/4/2014.
23. U.S. Census Bureau 2000 SF1, table PCT7; Census 2010 SF1, Table PCT7. In *Asian Americans Advancing Justice: A Community of Contrasts – Asian Americans, Native Hawaiians*

and Pacific Islanders in the Northeast. 2013.

24. U.S. Census Bureau, 2006 - 2010 American Community Survey 5-Year Estimates. Table B16004. Table B25091. Table B25070. *In Asian Americans Advancing Justice: A Community of Contrasts-Asian Americans, Native Hawaiians and Pacific Islanders in the Northeast*. 2013.

25. US Census Bureau. 2013. 2006 - 2010 American Community Survey 5-year Estimates. table B15002. *ASIAN Americans Advancing Justice: A Community of Contrasts*. Boston NewYork Philadelphia. 2013.

26. US Census Bureau. http://factfinder2.census.gov/faces/tableservices/jsf/pages/productview.xhtml?pid=ACS_10_1YR_S0201&prodType=table xem nội dung tại <http://www.mediafire.com/?s791b2lzceibrsp>.

27. United States Census Bureau. *2007 American Community Survey: Selected Population Profile in the United States*, xem nội dung tại <http://www.mediafire.com/?s791b2lzceibrsp>.

28. Wolfgang Bosswick and Friedrich Heckmann. 2006. *Integration of Migrants: Contribution of Local and Regional Authorities*. European Foundation for the Improvement of Living and Working Conditions. Research Institute: European Forum for Migration Studies (EFMS) at the University of Bamberg, Germany. Research managers: Hubert Krieger. Foundation Project: *Labour Market Mobility and Access to Social Rights for Migrants*.

29. Wolfgang Jagodzinski: *Economic, Social, and Cultural Determinants of Life Satisfaction: Are there Differences Between Asia and Europe?* Springer Science+Business Media B.V. 2009).

30. Xiongfei Cao & Xitong Guo & Hefu Liu & Jibao Gu: *The Role of Social Media in Supporting Knowledge Integration: A Social Capital Analysis*. Inf Syst Front. DOI 10.1007/s10796-013-9473-2. # Springer Science+Business Media New York 2013.

31. Yann Algan (Sciences Po), Alberto Bisin (NYU), Thierry Verdier (PSE). 2012. *Perspectives on Cultural Integration of Immigrants: An Introduction*. Trong sách *Cultural Integration of Immigrants in Europe*. Edited by Yann Algan, Alberto Bisin, Alan Manning, and Thierry Verdier. Ebook Printed in Great Britain by MPG Books Group, Bodmin and King's Lynn.